| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KBANG**<br>Số: 139 /TTr- UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>*Kbang, ngày 16 tháng 11 năm 2020* |

# TỜ TRÌNH

**Về việc xin thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2060.**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Kbang.

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Căn cứ Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050.

- Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-TTg ngày 27/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội tỉnh Gia Lai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ công văn số 2204/SXD-QLQH ngày 20/12/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về việc tổ chức lập Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kbang tỉnh Gia Lai;

- Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc giao vốn sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019.

- Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 06/1/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2060.

UBND Huyện Kbang lập tờ trình trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2060 với nội dung sau:

**1. Tên đồ án:** Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2060.

**2. Phạm vi, ranh giới và thời hạn lập quy hoạch:**

***2.1. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch***: trong phạm vi ranh giới toàn huyện KBang có diện tích tự nhiên 1.840,92 $km^2$ bao gồm 1 thị trấn (Kbang) và 13 xã (KonPne, Đăk Rong, Sơn Lang, Krong, Sơ Pai, Lơ Ku, ĐakSmar, Xã Đông, Nghĩa An, Đăk Hlơ, Kông Bờ La, Kông Lơng Khơng, Tơ Tung).

Ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Nam giáp thị xã An Khê và huyện Đăk Pơ tỉnh Gia Lai.

- Phía Tây giáp huyện Mang Yang, Đăk Đoa tỉnh Gia Lai và huyện Kon Rẫy tỉnh Kon Tum.

- Phía Bắc giáp huyện Kon PLông, tỉnh Kon Tum và huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Phía Đông giáp huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Bình Định.

***2.2. Giai đoạn lập quy hoạch:***

- Giai đoạn ngắn hạn: đến năm 2030.
- Giai đoạn dài hạn: đến năm 2040.
- Tầm nhìn: đến năm 2060.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/25.000.

***2.3. Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch:***

- Tiếp cận và kế thừa các định hướng và chiến lược phát triển mới trong các quy hoạch và định hướng cấp cao.

- Xây dựng tầm nhìn và các mục tiêu chiến lược, gắn với đa ngành;Định hướng phát triển toàn diện và cân bằng.

- Cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế, xã hội Tỉnh Gia Lai và Huyện Kbang; Làm cơ sở để tích hợp các Quy hoạch tỉnh Gia Lai,… nhằm tạo điệu kiện đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế của Tỉnh và Huyện một cách bền vững.

- Xác định sự hình thành và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, hạ tầng kỹ thuật trong vùng Huyện KBang.

- Làm cơ sở để chỉ đạo các ngành, các cấp chính quyền trong việc lập các dự án quy hoạch, chương trình đầu tư và hoạch định các chính sách phát triển, quản lý đô thị và các khu vực nông thôn, các khu vực phát triển công nghiệp, du lịch, nông nghiệp, ... và hệ thống các công trình chuyên ngành, đảm bảo vùng huyện phát triển hài hòa và bền vững.

- Làm tiêu chí tiền để huyện Kbang đề nghị tỉnh công nhận Huyện đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2020.

**3. Tính chất, chức năng vùng huyện Kbang:**

- Là huyện vùng cao, cửa ngõ phía Đông Bắc của tỉnh Gia Lai.

- Là trung tâm du lịch, vùng kinh tế sinh thái, lâm nghiệp phía Đông Bắc tỉnh Gia Lai.

**4. Các dự báo phát triển:**

***4.1. Dự báo phát triển dân số:***

- Dân số toàn huyện:
  + Năm 2030: Khoảng 83.000-87.000 người.
  + Năm 2040: Khoảng 103.000-107.000 người.
- Dân số đô thị:
  + Năm 2030: Khoảng 23.000-25.000 người.
  + Năm 2040: Khoảng 32.000-34.000 người.
- Tỷ lệ đô thị hóa:
  + Năm 2020: 27 – 30%
  + Năm 2040: 30 – 33%

***4.2. Dự báo nhu cầu đất phát triển đô thị:***

Dự kiến tiêu chuẩn đất xây dựng đô thị là 150-250 $m^2$/người và nhu cầu đất đai cho đô thị như sau:

- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2030 là 500-550 ha
- Quy mô đất xây dựng đô thị đến năm 2040 là 800 – 850 ha.

### *4.3. Dự báo phát triển đô thị:*

- Dự kiến đến năm 2040 toàn huyện Kbang có 02 đô thị: Thị trấn Kbang loại IV, thị trấn Sơn Lang loại V.

### 5. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

- Xác định một số chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản của đồ án phù hợp với các Quy chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn, yêu cầu phát triển của khu vực. Cụ thể:

| *Số TT* | *Hạng mục* | *Đơn vị Tính* | *Năm tính* | |
|---|---|---|---|---|
| | | | *2030* | *2040* |
| 1 | **Giao thông :** | | | |
| | Khu vực đô thị | | | |
| | - Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới >=11.5m) | km/$km^2$ | >=6 | >=8 |
| | - Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị | % | >=11 | >=16 |
| | - Diện tích đất giao thông/dân số nội thị | $m^2$/ng | >=5 | >=7 |
| | - Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng | % | >=1 | >=2 |
| | - Khu vực nông thôn | | | |
| | - Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn | cấp | >=VI (mặt đường >=3.5m, nền đường >=6.5m) | >=VI (mặt đường >=3.5m, nền đường >=6.5m |
| 2 | **Cấp nước:** | | | |
| | 100 % dân cư được cấp nước sạch hợp vệ sinh trong đó: | | | |
| | - Tiêu chuẩn cấp nước đô thị | L/người/ngày | 100 | 120 |
| | - Tỷ lệ cấp nước | % | 100 | 100 |
| | - Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn (tập trung) | L/người/ngày | 80 | 80 |
| | - Tỷ lệ cấp nước | % | 60 | 70 |
| | - Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp | $m^3$/ha | 35 | 35 |
| 3 | **Thoát nước bẩn, quản lý CTR và nghĩa trang:** | | | |
| | - Tiêu chuẩn nước thải dân dụng | % cấp nước | 80% | 80% |
| | - Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp (80% nước cấp) | m3/ha | 80% | 80% |
| | - Tiêu chuẩn CTR phát sinh đô thị | kg/ng/ng | 1,0 | 1,0 |
| | Nông thôn | | 0,8 | 0,8 |
| | - Nghĩa trang nhân dân | ha/10.000dân | 0,6 | 0,6 |

| Số TT | Hạng mục | Đơn vị Tính | Năm tính | |
|---|---|---|---|---|
| | | | 2030 | 2040 |
| 4 | **Cấp điện:** | | | |
| | - Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô thị | KW/ng/năm | 400 | 1.000 |
| | - Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho nông thôn | KW/ng/năm | 240 | 500 |
| | - Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp | KW/ha | 160-350 | 160-350 |
| | - Tiêu chuẩn cấp điện TT công nghiệp | KW/ha | 120-140 | 120-140 |

**6. Nội dung nghiên cứu Quy hoạch vùng huyện :**

**6.1. Đề xuất phân vùng phát triển định hướng phát triển không gian vùng**

- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế- xã hội; tình hình phát triển đô thị và điểm dân cư nông thôn; Hiện trạng sử dụng đất đai và hiện trạng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Đánh giá các quy hoạch xây dựng, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Tỉnh, Huyện, các Quy hoạch chuyên ngành, các dự án đang triển khai. Đánh giá mối liên kết các loại hình quy hoạch và tình hình thực hiện quy hoạch hiện nay.

- Đánh giá tổng quan các tiềm năng và nguồn lực phát triển, những tồn tại và bất cập trong phát triển vùng, cơ hội và thách thức theo phương pháp phân tích SWOT *(phân tích theo: Điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức).*

- Xác định các tiền đề phát triển vùng: xác định bối cảnh tương lai vùng Tây Nguyên, vùng biên giới Việt Nam - Campuchia, vùng tỉnh Gia Lai. Xác định vai trò vị thế và mối quan hệ vùng, tính chất vùng, các dự báo phát triển vùng đến năm 2040 tầm nhìn đến năm 2060 bao gồm: kinh tế, dân số, lao động, đất đai đô thị, đất đai công nghiệp, tỷ lệ đô thị hóa,…

- Đề xuất mô hình phát triển vùng: Quan điểm phát triển, đề xuất tầm nhìn, các mục tiêu chiến lược, cấu trúc không gian vùng.

- Đề xuất định hướng phát triển không gian vùng: Phân bố các vùng chức năng; Phân vùng kinh tế; Tổ chức vùng đô thị và điểm dân cư nông thôn; Vùng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; Vùng du lịch - vùng bảo tồn cảnh quan; Vùng nông - lâm - thủy sản; Đề xuất phân bố hệ thống hạ tầng xã hội như: giáo dục- đào tạo, y tế, Văn hóa - TDTT, thương mại – dịch vụ cấp vùng. Tổ chức không gian vùng huyện đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060.

**6.2. Đề xuất định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:**

**a. Quy hoạch Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:**

- Đánh giá tổng hợp và lựa chọn đất xây dựng đô thị; xác định cao độ xây dựng khống chế của từng khu vực, đô thị và các trục giao thông chính;

- Xác định các lưu vực, hướng thoát nước; Đề xuất quy hoạch thủy lợi của vùng nghiên cứu.

- Xác định các tuyến kênh, cống, suối, rạch thoát nước mưa cho vùng Huyện Kbang; quy mô các tuyến kênh, cống, .v.v…

**b. Định hướng mạng lưới giao thông:**

Nghiên cứu gắn kết đồng bộ các quy hoạch về hệ thống công trình đầu mối, mạng lưới giao thông cấp quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh... qua địa bàn huyện nhằm hình thành các trục hành lang, trục liên kết, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

- Đường bộ: Đường Trường Sơn Đông, ĐT 669, T5, T7,.. Đường huyện hiện hữu và đường huyện dự kiến kết nối từ trung tâm thị trấn đến các trung tâm xã.

+ Xác định chỉ giới đường đỏ các trục chính đô thị.

+ Các bến xe dự kiến.

- Trục cảnh quan sông Ba.

**c. Định hướng Quy hoạch cấp nước**

- Tính toán nhu cầu dùng nước cho từng đối tượng sử dụng, lựa chọn giải pháp cấp nước hợp lý cho từng khu vực, phân vùng cấp nước, xác định các nguồn nước khai thác, vị trí quy mô công trình cấp nước theo các bậc tin cậy cấp nước của từng giai đoạn.

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước khung có tính đến hướng kết nối với các hệ thống liên vùng, .v.v…

**d. Định hướng Quy hoạch cấp điện:**

- Xác định, tính toán nhu cầu dùng điện cho từng khu vực theo từng giai đoạn, lựa chọn nguồn cấp điện hợp lý cho từng khu vực, xác định quy mô công suất vị trí các trạm hạ thế.

- Nguồn cấp điện: dùng nguồn điện quốc gia qua các tuyến 22kV lấy từ trạm 110/22kV KBang dẫn tới.

- Trong giai đoạn ngắn hạn, dài hạn cần nâng công suất trạm 110/22kV Kbang và xây dựng trạm 110/22kV mới để đáp ứng phụ tải đều cho cho vùng huyện Kbang.

- Hệ thống phân phối: Cấp điện áp trung thế vận hành ở cấp điện áp tiêu chuẩn 22kV hệ 3 pha 4 dây, trung tính nối đất trực tiếp. Lưới điện hạ áp sử dụng điện áp 380-220V, đường dây 3 pha 4 dây với dây trung tính nối đất trực tiếp.

**e. Định hướng quy hoạch thoát nước thải quản lý chất thải rắn và nghĩa trang**

- Tính toán đưa ra các giải pháp thoát nước và xử lý cho từng khu vực đảm bảo thu gom các loại nước thải (sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ) phù hợp với quy mô, tích chất, yêu cầu vệ sinh môi trường, điều kiện tự nhiên, hiện trạng và định hướng thoát nước.

- Xác định quy mô, vị trí trạm xử lý nước thải.

- Định hướng các giải pháp quản lý chất thải rắn, xác định vị trí quy mô các trạm trung chuyển chất thải rắn, vị trí quy mô các khu xử lý chất thải rắn.

- Xác định vị trí quy mô, nghĩa trang trong vùng.

**f. Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Dự báo và đánh giá tác động môi trường.

- Các vấn đề đã và chưa giải quyết trong đồ án quy hoạch.

- Các giải pháp bảo vệ môi trường.

**6.3. Định hướng bảo vệ môi trường và cảnh quan vùng:**

- Phát triển vùng cây xanh - mặt nước sinh thái; Bảo vệ môi trường cảnh quan Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng– Vườn Quốc Gia Kon Ka Kinh, vùng nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên trong vùng.

- Định hướng bảo tồn, bảo vệ di tích, di sản bao gồm các khu di tích có ý nghĩa lịch sử, các di tích cấp Quốc gia;

**6.4. Dự kiến những hạng mục ưu tiên phát triển và nguồn lực thực hiện.**

- Xác định các hạng mục ưu tiên đầu tư cho huyện Kbang với yêu cầu là các dự án mang ý nghĩa tạo lực như phát triển đô thị - dịch vụ, nông nghiệp sinh thái.

- Xác định các khu vực trọng tâm đầu tư, các công trình trọng điểm cần đầu tư: Các khu trung tâm động lực, các hạng mục công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế ưu tiên đầu tư. Hình thành các chương trình, cụ thể hoá các mục tiêu và các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo thứ tự ưu tiên.

**6.5. Tổng hợp kinh phí đầu tư:**

- Trên cơ sở danh mục và lộ trình cho các chương trình phát triển của huyện KBang, xác định nhu cầu kinh phí cho các dự án trọng điểm phát triển toàn khu vực cho các chương trình theo từng giai đoạn phát triển.

- Khái toán kinh phí đầu tư xây dựng đợt đầu hệ thống hạ tầng kĩ thuật khung trên địa bàn huyện.

**6.6. Đề xuất cơ chế quản lý phát triển vùng**

- Quy định chung: Xác định đối tượng áp dụng, phân công quản lý; Quy định quy mô diện tích và dân số đô thị, nông thôn; Quy định quản lý phát triển không gian tổng thể khu vực đô thị, nông thôn, khu vực đặc thù, khu vực hạn chế phát triển và khu vực cấm xây dựng; Quy định về quy mô phát triển các trung tâm chuyên ngành, khu vực cần bảo tồn, khu vực phát triển hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; Các quy định kiểm soát phát triển và bảo vệ môi trường đô thị.

- Quy định cụ thể: Quản lý kiểm soát không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn, làm rõ ranh giới phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn, quy mô diện tích các khu chức năng; quy định về mật độ dân cư; chỉ tiêu sử dụng đất khu vực đô thị, nông thôn; quy định nguyên tắc phát triển, quy định và yêu cầu hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Quy định các khu vực bảo tồn, tôn tạo. Xác định phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật chính và công trình ngầm.

- Quy định về tổ chức thực hiện: Các quy định về tính pháp lý, kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng vùng huyện.

**7. Tiến độ thực hiện:**

***7.1. Tiến độ thực hiện:***

Hoàn thành trong năm 2020

***7.2.Tổ chức thực hiện:***

- Cơ quan phê duyệt : UBND tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư : UBND huyện Kbang.
- Cơ quan thẩm định : Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai.

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch : Tổ chức đấu thầu theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện Kbang kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện Kbang thông qua Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2040 và tầm nhìn đến năm 2060 nhằm làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- TT UBND huyện;
- Phòng KT&HT;
- Lưu: VT, VP, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**
**CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG T. GIA LAI

**Nguyễn Văn Dũng**

